

TỔNG CÔNG TY
CÔNG NGHIỆP TÀU THUY
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CHÂN MÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/BC-BKS

Thành phố Huế, ngày 02 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Chân Mây

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;

Căn cứ Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng;

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2024, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Chân Mây xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 các nội dung sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024

- Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Chân Mây nhiệm kỳ 2020-2025 gồm có 3 thành viên trong đó hai thành viên chuyên trách và một thành viên không chuyên trách thuộc Tổng Công ty. Trong đó, thù lao của thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách được hưởng là 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Ban kiểm soát đã thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên BKS trên các mặt hoạt động của Công ty. Thường xuyên tiến hành tổ chức công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp với kế hoạch được Tổng công ty phê duyệt thông qua người đại diện vốn; xem xét báo cáo tài chính và các hoạt động đầu tư các dự án trên cơ sở phù hợp Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Trong năm 2024, BKS đã thực hiện 10 cuộc họp và đã ban hành 10 báo cáo kiểm tra, giám sát các hoạt động của đơn vị.

- Ban kiểm soát phối hợp với phòng Tài chính - Kế toán và Công ty kiểm toán độc lập tiến hành thẩm định và xác nhận sự khớp đúng số liệu của Báo cáo Tài chính năm 2024 của Công ty do Ban Điều hành lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt.

- Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tuần của Ban Điều hành và một số cuộc họp khác với vai trò độc lập, đưa ra các ý kiến khách quan góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động của đơn vị.

- Trong năm, BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông về yêu cầu xem xét hoạt động của Công ty, về việc quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

II. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2024

Năm 2024, sản lượng thông qua Cảng Chân Mây 5.394.231 tấn đạt 115% kế hoạch, doanh thu 383.208 triệu đồng đạt 139% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế đạt 25,5 tỷ đồng. Sản lượng hàng container vẫn chưa đạt kỳ vọng (chỉ đạt 35% so với kế hoạch) do nhu cầu tại địa phương và vùng lân cận giảm.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ % thực hiện/kế hoạch
1	Tổng sản lượng	Tấn	5.394.231	4.700.000	115%
2	Trong đó: SL hàng cont	TEUs	8.395	23.760	35%
3	Tổng doanh thu	Trđ	383.208	276.400	139%
4	Trong đó: DT hàng cont	Trđ	11.289	31.291	36%
5	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	25.560	476	
6	Nộp ngân sách	Trđ	3.863	500	
7	Thu nhập bình quân/người/tháng	Đồng	17.080.000	11.990.000	142%

Nguyên nhân chủ yếu để sản lượng, doanh thu năm 2024 tăng mạnh và vượt xa kế hoạch năm 2024 là do:

+ Mặt hàng gỗ dăm năm 2024 sản lượng đạt 2.038.000 tấn bằng 198% so với cùng kỳ năm 2023. Doanh thu năm 2024 đạt 105 tỷ đồng tăng tương ứng 199% so với năm 2023.

+ Doanh thu dịch vụ tàu du lịch năm 2024 đạt 19,8 tỷ đồng bằng 202% so với cùng kỳ năm 2023.

+ Doanh thu dịch vụ thuê bãi năm 2024 đạt 64,5 tỷ đồng so với năm 2023 chỉ 5,4 tỷ đồng.

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 trên cơ sở tuân thủ đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành. Công ty đã thực hiện tốt chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin tài chính định kỳ với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. BKS thống nhất với số liệu trong Báo cáo tài chính của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt, xác nhận Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty đến thời điểm 31/12/2024. Trên cơ sở đó, BKS kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 do Ban Điều hành báo cáo và đã được kiểm toán với số liệu như sau:

1. Tóm tắt Bảng kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: VN đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Thay đổi	% thay đổi
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	383,208,049,101	227,424,257,898	155,783,791,203	168%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	383,208,049,101	227,424,257,898	155,783,791,203	168%
4. Giá vốn hàng bán	293,150,943,216	181,985,494,370	111,165,448,846	161%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	90,057,105,885	45,438,763,528	44,618,342,357	198%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1,533,220,852	2,135,776,847	(602,555,995)	72%
7. Chi phí tài chính	14,098,862,916	18,992,882,156	(4,894,019,240)	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	14,084,564,075	18,992,882,156	(4,908,318,081)	
8. Chi phí bán hàng	2,971,277,248	2,524,920,573	446,356,675	118%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	45,930,443,291	33,432,426,995	12,498,016,296	137%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	28,589,743,282	(7,375,689,349)	35,965,432,631	-388%
11. Thu nhập khác	1,180,590	22,690,107	(21,509,517)	5%
12. Chi phí khác	100,123,922	34,997,017	65,126,905	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(98,943,332)	(12,306,910)	(86,636,422)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	28,490,799,950	(7,387,996,259)	35,878,796,209	-386%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,930,560,361	8,159,609	2,922,400,752	

16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	25,560,239,589	(7,396,155,868)	32,956,395,457	-346%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)				

2. Tóm tắt Bảng cân đối kế toán:

ĐVT: VN đồng

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi	% thay đổi
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	148,190,945,247	102,138,045,907	46,052,899,340	145%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	67,275,325,755	41,415,070,887	25,860,254,868	162%
1. Tiền	21,275,325,755	21,415,070,887	(139,745,132)	99%
2. Các khoản tương đương tiền	46,000,000,000	20,000,000,000	26,000,000,000	230%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	33,000,000,000	18,000,000,000	15,000,000,000	183%
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	33,000,000,000	18,000,000,000	15,000,000,000	183%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	38,631,311,603	31,933,110,729	6,698,200,874	121%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	20,744,493,069	17,370,328,541	3,374,164,528	119%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	2,523,345,142	2,476,167,393	47,177,749	102%
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	1,500,000,000	1,500,000,000	-	100%
4. Phải thu ngắn hạn khác	17,361,560,696	14,047,943,042	3,313,617,654	124%
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(3,498,087,304)	(3,461,328,247)	(36,759,057)	101%
IV. Hàng tồn kho	8,008,457,781	4,589,754,909	3,418,702,872	174%
1. Hàng tồn kho	8,008,457,781	4,589,754,909	3,418,702,872	174%
V. Tài sản ngắn hạn khác	1,275,850,108	6,200,109,382	(4,924,259,274)	21%
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	270,140,752	246,727,185	23,413,567	109%
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	579,991,165	5,234,085,762	(4,654,094,597)	11%
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	425,718,191	719,296,435	(293,578,244)	59%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	545,201,423,127	569,051,364,101	(23,849,940,974)	96%
I. Các khoản phải thu dài hạn	3,537,863,606	6,032,090,878	(2,494,227,272)	59%
1. Trả trước cho người bán	3,537,863,606	6,032,090,878	(2,494,227,272)	59%

dài hạn				
II. Tài sản cố định	515,692,299,653	535,171,391,569	(19,479,091,916)	96%
1. Tài sản cố định hữu hình	514,500,362,425	533,658,445,065	(19,158,082,640)	96%
- Nguyên giá	1,055,218,452,692	1,041,290,744,406	13,927,708,286	101%
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(540,718,090,267)	(507,632,299,341)	(33,085,790,926)	107%
2. Tài sản cố định vô hình	1,191,937,228	1,512,946,504	(321,009,276)	
- Nguyên giá	1,974,929,785	1,939,429,785	35,500,000	102%
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(782,992,557)	(426,483,281)	(356,509,276)	184%
III. Tài sản dở dang dài hạn	12,724,451,367	13,624,585,811	(900,134,444)	93%
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12,724,451,367	13,624,585,811	(900,134,444)	93%
IV. Tài sản dài hạn khác	13,246,808,501	14,223,295,843	(976,487,342)	93%
1. Chi phí trả trước dài hạn	13,246,808,501	14,223,295,843	(976,487,342)	93%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	693,392,368,374	671,189,410,008	22,202,958,366	103%
C. NỢ PHẢI TRẢ	333,276,356,765	336,633,637,988	(3,357,281,223)	99%
I. Nợ ngắn hạn	110,057,598,962	89,688,062,364	20,369,536,598	123%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	7,631,895,664	2,538,210,230	5,093,685,434	301%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	387,735,544	180,614,416	207,121,128	215%
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2,930,560,361			
4. Phải trả người lao động	17,403,415,027	8,782,142,188	8,621,272,839	198%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	3,064,641,309	3,136,467,313	(71,826,004)	98%
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	467,301,935	517,255,138	(49,953,203)	
7. Phải trả ngắn hạn khác	44,574,686,888	52,003,630,437	(7,428,943,549)	86%
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19,540,000,000	19,540,000,000	-	100%
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	12,005,772,593			
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,051,589,641	2,989,742,642	(938,153,001)	69%
II. Nợ dài hạn	223,218,757,803	246,945,575,624	(23,726,817,821)	90%
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	62,017,488,550	66,204,306,371	(4,186,817,821)	94%
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	161,201,269,253	180,741,269,253	(19,540,000,000)	89%
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	360,116,011,609	334,555,772,020	25,560,239,589	108%
I. Vốn chủ sở hữu	360,116,011,609	334,555,772,020	25,560,239,589	108%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	324,054,150,000	324,054,150,000	-	100%
2. Quỹ đầu tư phát triển	27,259,580,782	27,259,580,782	-	100%
3. Lợi nhuận sau thuế chưa	8,802,280,827	(16,757,958,762)	25,560,239,589	-53%

phân phối				
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(16,757,958,762)	(9,361,802,894)	(7,396,155,868)	
- LNST chưa phân phối kỳ này	25,560,239,589	(7,396,155,868)	32,956,395,457	-346%
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	693,392,368,374	671,189,410,008	22,202,958,366	103%

3. Tóm tắt Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

ĐVT: VN đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Kỳ này từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Kỳ này từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28,490,799,950	(7,387,996,259)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		33,442,300,202	34,442,728,314
- Các khoản dự phòng	03		12,042,531,650	196,545,688
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(19,926,800)	(39,189,694)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,422,732,624)	(2,053,459,053)
- Chi phí lãi vay	06		14,084,564,075	18,992,882,156
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		86,617,536,453	44,151,511,152
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1,557,000,758	7,138,690,331
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3,418,702,872)	(743,244,387)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		8,670,217,155	11,783,584,578
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		953,073,775	(5,210,887,358)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14,578,170,894)	(19,379,698,055)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			(8,159,609)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			20,000,000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(938,153,001)	(56,240,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		78,862,801,374	37,695,556,652
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(12,326,044,403)	(28,392,022,628)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(33,000,000,000)	(18,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		18,000,000,000	10,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			

7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,309,922,122	2,058,338,505
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(26,016,122,281)	(34,333,684,123)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19,540,000,000)	(15,660,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7,466,351,025)	(1,025,421,600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27,006,351,025)	(16,685,421,600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	25,840,328,068	(13,323,549,071)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	41,415,070,887	54,699,220,264
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	19,926,800	39,189,694
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	67,275,325,755	41,414,860,887

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

TT	CHỈ TIÊU	DVT	NĂM 2024	NĂM 2023	GHI CHÚ
1	Cơ cấu tài sản				
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	0.21	0.15	
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	0.79	0.85	
2	Cơ cấu nguồn vốn				
	Nợ phải trả/Vốn CSH	%	1.03	1.04	
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	0.48	0.50	
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	0.47	0.48	
3	Khả năng thanh toán				
	Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1.27	1.09	
	Khả năng thanh toán hiện hành (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1.35	1.14	
4	Hiệu quả				
	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0.0369	(0.0110)	
	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu	%	0.0469	(0.0130)	
	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	0.0789	(0.0228)	

Chỉ tiêu Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh: Dòng tiền thuần có được từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 dương (+) 78 tỷ đồng cho thấy hoạt động của doanh nghiệp được diễn ra liên tục và đảm bảo hoạt động hiệu quả cho việc đầu tư và bù đắp các chi phí.

Hệ số khả năng thanh toán hiện tại là chỉ số đo lường khả năng doanh nghiệp đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn. Chỉ số này ở mức 2-3 lần được xem là tốt,

lu

nhưng hiện nay chỉ số này của đơn vị khoảng 1 lần cho thấy thời gian đến việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của đơn vị trong tương lai sẽ khó khăn.

Nhìn chung, năm 2024 các chỉ tiêu tài chính của Công ty đã đạt kế hoạch, kết quả tài chính đảm bảo được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo đảm và phát triển.

III. Về công tác hoạt động của 3 Xí nghiệp

Thực hiện Kế hoạch kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp Xếp dỡ, Xí nghiệp Cơ giới, Xí nghiệp Dịch vụ cung ứng tàu biển trực thuộc Công ty cổ phần Cảng Chân Mây năm 2024, Ban Kiểm soát đã báo cáo HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty kết quả kiểm tra (BC số 06/BKS-CM ngày 19/07/2024), Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

1). Kiến nghị đối với Xí nghiệp Cơ giới:

- Kiến nghị Xí nghiệp lập Biên bản kiểm tra nhiên liệu tiêu hao định kỳ hàng tháng cho tất cả thiết bị, có xác nhận của Phòng Kỹ thuật để phục vụ việc quản lý thiết bị, phát hiện kịp thời các biến động bất thường.
- Kiến nghị Xí nghiệp lưu trữ hồ sơ liên quan đầy đủ, Phiếu đề xuất, các loại Phiếu nhận vật tư... phải ghi đầy đủ nội dung và có chữ ký xác nhận đầy đủ của các bộ phận liên quan.
- Kiến nghị Xí nghiệp lập kế hoạch và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị đúng thời gian quy định.
- Kiến nghị Xí nghiệp rà soát và đề xuất làm lại định mức tiêu hao nhiên liệu cho các thiết bị bao gồm xe xịt nước (xe và máy bơm). Phần lớn thiết bị vẫn còn áp dụng Định mức tiêu hao nhiên liệu ban hành từ năm 2021.

2). Kiến nghị đối với Xí nghiệp Xếp dỡ:

- Đối với công đoạn vét than, kiến nghị Xí nghiệp cùng các bộ phận liên quan nghiên cứu làm sao giảm được thời gian nghỉ xuống thấp hơn nữa để tăng năng suất, trung bình thời gian nghỉ chiếm hơn 40% thời gian vét là quá lớn.
- Kiến nghị Xí nghiệp đề xuất Công ty bổ sung nhân lực (huy động người tại chỗ từ các bộ phận khác, thuê ngoài, tuyển thêm), đảm bảo đủ nhân lực để bố trí vào dây chuyền sản xuất đúng quy trình công nghệ xếp dỡ, nhất là đủ nhân lực vét tàu than.
- Kiến nghị Xí nghiệp nghiên cứu cách trả lương riêng cho công đoạn vét than để kích lệ tinh thần của người lao động, nâng cao năng suất.

3). Kiến nghị đối với Xí nghiệp Dịch vụ cung ứng tàu biển

- Kiến nghị Xí nghiệp định mức tiêu hao nhiên liệu lại cho tàu Chân Mây 01.
- Kiến nghị Xí nghiệp xây dựng quy trình quản lý, mua bán điện nước.

- Kiến nghị Công ty xem xét xử lý số liệu chênh lệch dầu nhớt các loại để khớp với sổ sách kế toán theo quy định.

IV. Báo cáo kết quả giám sát đầu tư các dự án

Trong kế hoạch đầu tư một số hạng mục trong năm 2024, tổng giá trị đầu tư năm 2024 là **302.108** triệu đồng, Trong đó: giá trị thực hiện đạt: **24.152** triệu đồng, và giá trị giải ngân **23.987** triệu đồng. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án/BCKTKT đầu tư xây dựng (Xây dựng, Mua sắm trang thiết bị, Sửa chữa)	Kế hoạch năm 2024		Thực hiện năm 2024		Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	
	Tổng cộng(A+B+C+D+E+F)	302,108	-	24,152	23,987	
B	Các dự án nhóm B	244,816		38.5	702.6	
B.1	Dự án chuyển tiếp	244,816		38.5	702.6	
	Giai đoạn hoàn thiện	244,816	Liên kết đầu tư	38.5	702.6	Nạo vét, cầu dẫn
C	Dự án nhóm C	7,050		4,410	4,410	
C.1	Dự án chuyển tiếp	7,050		4,410	4,410	
-	Mua sắm xe nâng 10 tấn	2,200	Quỹ đầu tư phát triển	1,100	1,100	hoàn thành 2024
-	Cải tạo nâng cấp hệ thống tang cáp điện đầu cần cầu Gottwald HMK 170E	900	Quỹ đầu tư phát triển	9.5	9.5	
-	Mua sắm cáp tải cần cầu Gottwald HMK 170E	950	Vốn tự có	825	825	hoàn thành 2024

Handwritten signature

-	Mua sắm đệm tựa tàu 1300H	3,000	Vốn tự có	2,475	2,475	hoàn thành 2024
D	Các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	50,242		17,319	16,411	-
D.1	Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng chuyển tiếp	50,242		17,319	16,411	
-	Nạo vét điều chỉnh mở rộng luồng, vũng quay tàu của bến trong (bến 120m)	3,826	Quỹ đầu tư phát triển			chuyển tiếp thực hiện sang năm 2025
-	Sửa chữa, bảo trì Bến số 1 – Cảng Chân Mây	8,114	Chi phí SXKD	7,446	6,246	Hoàn thành 2024
-	Nạo vét duy tu vùng đậu tàu Bến số 1 - Cảng Chân Mây	8,640	Chi phí SXKD			Dự kiến hoàn thành nạo vét duy tu trong quý III năm 2025
-	Thiết lập khu neo chuyển tải hàng tổng hợp, hàng rời cho tàu có trọng tải đến 200.000DWT tại Vịnh Chân Mây	3,500	Liên kết đầu tư			QĐ công bố mở khu chuyển tải số 1051/QĐ-CHHVN ngày 23/7/2024
-	Kiểm định nâng cấp Bến số 2 - Cảng Chân Mây được tiếp nhận tàu hàng có trọng tải đến 70.000 tấn	550	Quỹ đầu tư phát triển		132	hoàn thành 2024
-	Sửa chữa Bến số 1 - Cảng Chân Mây (hạng mục Sửa chữa hệ dầm, bản mặt sàn và bảo vệ đầu cọc năm 2023)	10,000	Quỹ đầu tư phát triển	6,321	7,569	

-	Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp Bến số 1 - Cảng Chân Mây	3,500	Quỹ đầu tư phát triển	2,757	1,739	hoàn thành 2024
-	Lắp đặt hệ thống PCCC kho bãi mở rộng Bến số 1 - Cảng Chân Mây	4,112	Quỹ đầu tư phát triển	181	181	
-	Lập hồ sơ môi trường Bến số 1 - Cảng Chân Mây (Bao gồm Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép nhận chìm, Giao khu vực biên đồ đất nạo vét, Phí môi trường đồ đất nạo vét Bến số 1 - Cảng Chân Mây)	6,200	Vốn tự có			
-	Hàng rào nhà kho 7000m2	1,200	Quỹ đầu tư phát triển	615	544	hoàn thành 2024
-	Bổ sung công năng cho Bến số 2 để đón tàu khách du lịch	300	Vốn tự có			
-	Bổ sung công năng cho Bến số 1 để đón tàu hàng container	300	Vốn tự có			hoàn thành 2024
F	Các hạng mục khác phục vụ SXKD năm 2024	-		2,385.089	2,464.019	

V. Kết quả hoạt động của HĐQT và Ban TGD

Qua công tác kiểm tra, giám sát năm 2024, Ban kiểm soát đánh giá HĐQT và BTGD đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể:

1. Đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm qua:

- Trong năm, HĐQT đã hoàn thành việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty. Các chính sách của HĐQT mang tính định hướng mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và chỉ đạo Ban Tổng

Giám đốc triển khai thực hiện; xây dựng chiến lược, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp, hiệu quả giúp kết quả đạt được vượt kế hoạch đề ra.

- Căn cứ các Tờ trình, HĐQT đã tổ chức họp 4 phiên họp có biên bản, 22 biên bản lấy ý kiến, đã ban hành 45 Nghị quyết, Quyết định và 11 báo cáo Người đại diện vốn gửi TCT. Các văn bản được lập đúng trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Đánh giá các hoạt động của Ban TGD trong năm qua:

- Ban TGD đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng Quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, triển khai kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, không có vi phạm nào làm ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Triển khai thường xuyên các cuộc họp giao ban hàng tuần để tập trung giải quyết kịp thời các vướng mắc trong hoạt động SXKD của Công ty.

- Mọi hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được HĐQT chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT để kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

VI. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD

- Trong năm 2024, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp của đơn vị, của cổ đông và theo đúng các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty. Các thành viên BKS đều được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, hàng tuần tham dự cuộc họp giao ban của Ban Giám đốc điều hành.

Với cổ đông, BKS không nhận được thư yêu cầu hay khiếu nại của Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông về hoạt động của công ty trong thời gian qua.

VI. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Trong những năm qua không có phát sinh giao dịch này.

VII. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 của Ban kiểm soát

Kế hoạch hoạt động trong năm 2025 của BKS tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua;
- Lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư, các hợp đồng kinh tế có giá trị lớn.
- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Lập báo cáo thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng và 1 năm trình HĐQT;
- Thực hiện công tác kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh tại 3 Xí nghiệp;
- Xây dựng kế hoạch đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và giám sát việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của khách hàng;
- Phân tích, đánh giá chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, kiến nghị phương án tiết kiệm chi phí năm 2025.
- Phân công nhiệm vụ của các thành viên trong Ban kiểm soát, xây dựng báo cáo Ban kiểm soát trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2025;
- Kiểm soát việc tuân thủ công tác công bố thông tin của Công ty được thực hiện minh bạch theo đúng nội dung quy định của Công ty niêm yết;
- Và thực hiện các công tác khác theo quy định.

VIII. Kiến nghị của Ban kiểm soát

- Trong năm 2024 một số Dự án triển khai chậm tiến độ theo quy định, kiến nghị Công ty đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Dự án theo đúng thời gian quy định.
- Đối với các khoản nợ khó đòi và các khoản nợ xấu đã được trích dự phòng và chưa trích lập dự phòng, kiến nghị Công ty tiếp tục nghiên cứu, theo dõi sát sao để có biện pháp thu hồi nợ cho Công ty;

Trên đây là báo cáo công tác kiểm tra, giám sát kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024. Ban kiểm soát kính trình quý vị cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BDH;
- Ban KS;
- Lưu: VT, TC-HC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phan Tuấn Anh